

Số: 221 /QĐ-SIU

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định Sở hữu trí tuệ và Chuyển giao công nghệ
Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 1273/QĐ-TTg ngày 24/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép thành lập Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 của Quốc hội ban hành ngày 18/06/2013;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 của Quốc hội ban hành ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật số 36/2009/QH12 của Quốc hội ban hành ngày 19/06/2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 của Quốc hội ban hành ngày 18/06/2013;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kiểm định, Hợp tác quốc tế & Nghiên cứu khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Sở hữu trí tuệ và Chuyển giao công nghệ Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Kiểm định, Hợp tác quốc tế & Nghiên cứu khoa học, Trưởng phòng Tài chính – Nhân sự, Lãnh đạo các đơn vị và cá nhân có liên



quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phòng, khoa có liên quan;
- Lưu: VT, P.KĐ, HTQT & NCKH.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Xuân Định



QUY ĐỊNH

Sở hữu trí tuệ và Chuyển giao công nghệ Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22.1/QĐ-SIU
ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), khai thác và quản lý tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn (SIU).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức và cá nhân thuộc SIU, các cá nhân và tổ chức không thuộc SIU nhưng tham gia hợp tác với SIU trong việc tạo ra hoặc khai thác tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của SIU.

CHƯƠNG II XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 3. Chủ sở hữu quyền SHTT

1. SIU là chủ sở hữu các quyền SHTT của tài sản trí tuệ được tạo ra do tổ chức, cá nhân thuộc SIU sáng tạo ra từ một trong các yếu tố sau:

- Sử dụng ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác quốc tế thông qua SIU hoặc từ kinh phí SIU.
- Sử dụng thời gian làm việc hành chính, cơ sở vật chất của SIU.
- SIU giao nhiệm vụ thực hiện.
- SIU ký hợp đồng để tạo ra sản phẩm.

2. SIU là chủ sở hữu quyền SHTT đối với các tài sản trí tuệ do giảng viên hay nghiên cứu viên của SIU tạo ra trong thời gian làm việc tại SIU và sử dụng nguồn lực, kinh phí của nhà trường.

3. Trường quản lý và chủ trì, chủ nhiệm đề tài có quyền tác giả cho công trình NCKH được nhà Trường giao thực hiện theo luật SHTT hiện hành. Nhà trường không được phép can thiệp, sửa chữa, thay đổi bất cứ nội dung nào trong những kết quả nghiên cứu đó mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của tác giả hay nhóm tác giả.

4. Trường hợp kết quả nghiên cứu của các công trình do những nguồn quỹ tài trợ



ngoài nhà trường, hoặc do hợp đồng nghiên cứu với các doanh nghiệp, thì giải quyết theo thỏa thuận của từng hợp đồng.

5. Tác giả hay nhóm tác giả được quyền công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí trong nước và quốc tế, với điều kiện phải nêu nguồn tài trợ.

Điều 4. Đăng ký quyền SHTT

1. Đăng ký quyền SHTT là trách nhiệm của cá nhân, tổ chức tham gia đề tài, dự án. Đối tượng đăng ký quyền SHTT là tất cả các sản phẩm hoặc qui trình khoa học công nghệ từ kết quả nghiên cứu khoa học. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

2. Kinh phí đăng ký quyền sở hữu trí tuệ được dự toán trong kinh phí thực hiện đề tài NCKH áp dụng theo quy định của SIU. Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 5. Chuyển nhượng quyền SHTT

1. Chuyển nhượng quyền SHTT là việc SIU chuyển giao quyền sở hữu đối với các quyền đã nêu ở điều 3 cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Khi chuyển nhượng quyền tác giả hoặc quyền sử dụng quyền tác giả, SIU cùng tác giả thương thảo với bên nhận chuyển nhượng nội dung, phương pháp, phạm vi và giá cả.

3. Tác giả sản phẩm không được tự ý chuyển nhượng khi chưa được SIU đồng ý bằng văn bản hoặc không có đại diện của SIU thương thảo với bên nhận chuyên nhượng.

4. SIU chuyển nhượng quyền SHTT theo hình thức độc quyền hoặc không độc quyền.

CHƯƠNG III KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 6. Khai thác và sử dụng tài sản trí tuệ

SIU cùng với tác giả tìm các biện pháp để khai thác sử dụng hiệu quả sản phẩm trí tuệ. SIU phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để tác giả có thể triển khai, ứng dụng hoặc thương mại hóa các sản phẩm trí tuệ.

SIU có trách nhiệm cùng tác giả và đơn vị liên quan tổ chức đàm phán với đối tác và thực hiện công tác chuyển giao công nghệ. Phương thức, nội dung hợp đồng và xử lý vi phạm về công tác chuyển giao công nghệ được thực hiện theo qui định của Luật SHTT hiện hành.

Điều 7. Phân chia lợi nhuận sản phẩm trí tuệ của SIU

Tùy từng loại sản phẩm trí tuệ khi được thương mại hóa, sau khi trừ những chi

phí cần thiết và hợp lệ được phân bổ như sau:

1. Sản phẩm của đề tài, dự án sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước, sau khi được nghiệm thu và được bán:

- 40% nộp ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành
- 30% chủ sở hữu (SIU)
- 30% dùng để khen thưởng tập thể tác giả trực tiếp thực hiện đề tài, dự án. Tổng mức khen thưởng không vượt quá 50 triệu đồng/đề tài. Phần vượt trên 50 triệu đồng được trích vào Quỹ Khoa học Công nghệ của Trường.

2. Các sản phẩm đề tài khoa học công nghệ khác có khả năng ứng dụng vào sản xuất tại các địa phương, doanh nghiệp (thực hiện dưới hình thức chuyển giao công nghệ hoặc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật):

- Quyền tác giả: 40%
- Chủ sở hữu (SIU): 60%

3. Định mức về quyền khai thác sản phẩm hoặc qui trình khoa học công nghệ được thể hiện trong hợp đồng giữa Trường và đơn vị, cá nhân liên quan.

4. Các trường hợp phát sinh sẽ tùy theo thỏa thuận giữa các bên.

CHƯƠNG IV QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ CỦA SIU

Điều 8. Trách nhiệm quản lý tài sản trí tuệ của SIU

1. SIU và tác giả có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền SHTT của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền SHTT của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của luật SHTT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung quản lý về SHTT của SIU

SIU giao cho Phòng Khoa học & Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách và kế hoạch phát triển các sản phẩm trí tuệ.
- Xây dựng, sửa đổi, ban hành và tổ chức thực hiện Quy định về SHTT của SIU, thực hiện các văn bản pháp luật về SHTT của Nhà nước.
- Tổ chức bộ phận quản lý về SHTT.
- Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký quyền SHTT.
- Xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường, thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ.
- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về SHTT, giải quyết khiếu nại, xử lý vi phạm về SHTT.
- Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về SHTT.

NG
THU
Ế
N
O

- Hợp tác quốc tế về SHTT.
- 3. Trách nhiệm của tác giả có sản phẩm trí tuệ
 - Thực hiện đầy đủ các quy định, chính sách về SHTT của Nhà nước và của SIU; thực hiện đầy đủ các cam kết, thỏa thuận với SIU.
 - Tham gia với SIU quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường, thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ.
 - Yêu cầu SIU xử lý và giải quyết các mâu thuẫn về quyền lợi quyền tác giả.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 10. Sửa đổi và bổ sung

Trong quá trình thực hiện, quy định có thể được xem xét và sửa đổi cho phù hợp với thực tế.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Các tổ chức và cá nhân thuộc SIU, các cá nhân và tổ chức không thuộc SIU nhưng tham gia hợp tác với SIU trong việc tạo ra hoặc khai thác tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của SIU chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

